1992

HIEP ĐINH HANG HAI THUONG MAI
GIUA CHINH PHU NUOC CONG HOA XA HOI CHU NGHIA VIET NAM
VA CHINH PHU VUONG QUOC THAI LAN

*

Chính phủ nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Vương quốc Thái Lan dưới đây gọi là "Những Bên ký kết",

Với lòng mong muốn tăng cường quan hệ hữu nghị giữa hai nước, trên cơ sở bình đẳng và hai Bên cùng có lợi,

Nhằm mục đích thiết lập quan hệ chặt chẽ trong lĩnh vực hàng hải thương mại giữa nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Vương quốc Thái Lan,

Đã thoả thuận như sau :

Điều 1

Theo bản Hiệp định này,

1- Danh từ "Tàu của mỗi Bên ký kết", "Tàu của một Bên ký kết" và "Tàu của Bên ký kết kia" có nghĩa là tàu biển thương mại treo cờ của nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc Vương quốc Thái Lan, kể cả những tàu thương mại treo cờ một nước thứ ba mà mỗi Bên ký kết thuê mua hoặc thuê định hạn.

2- Danh từ "Thuyền viên" có nghĩa là một người nào, kể cả thuyền trưởng, làm nhiệm vụ và công tác trên tàu trong một hành trình có giấy tờ chứng minh quy định trong Điều 8 của Hiệp định này và có tên ghi trong bản danh sách thuyền viên của tàu.

Điều 2

Tàu của mỗi Bên ký kết được phép chạy giữa các cảng của

các Bên ký kết đã mở cửa cho việc thông thương quốc tế và chuyên chở hành khách và hàng hoá giữa các Bên ký kết hoặc giữa một Bên ký kết với nước thứ ba.

Điều 3

Để thực hiện những điều khoản của Hiệp định này, trong khuôn khổ luật lệ và quy định của mỗi Bên, hai Bên thoả thuận :

1- Thông qua các cơ quan có thẩm quyền của mỗi Bên, trao đổi ý kiến và thông tin về các mặt hoạt động hàng hải giữa hai nước.

2- Trong điều kiện cho phép, vào thời gian thuận lợi, hai Bên ký kết có thể ký các Nghị định thư bổ sung.

Điều 4

Tàu của mỗi Bên ký kết sẽ được hưởng chế độ đối xử ưu đãi cũng giống như tàu của bất kỳ một nước thứ ba nào về hàng hải, cầu bến, trang thiết bị bốc xếp hàng hoá khi đến cảng của nước Bên kia.

Điều 5

1- Những thuyền viên, hành khách và hàng hoá trên tàu của mỗi Bên ký kết neo đậu tại lãnh hải hoặc tại cảng của nước Bên kia sẽ phải tuân theo những luật lệ và quy định hiện hành, phù hợp với luật pháp quốc tế, của nước đó.

2- Tàu neo đậu trong lãnh hải hoặc tại cảng của mỗi Bên ký kết phải tuân theo luật lệ và quy định về trang thiết bị, an toàn và xếp hàng tới mớn nước do Bên ký kết có lãnh hải hoặc cảng ấy cho phép.

Điều 6

Trong phạm vi luật lệ và quy định về cảng của mỗi Bên, các

Bên ký kết sẽ thực hiện nhanh chóng thủ tục hải quan và những thủ tục khác ở cảng và áp dụng các biện pháp thích đáng để việc bốc xếp hàng hoá được nhanh chóng, tránh những chậm trễ không đáng có.

Điều 7

1- Mỗi Bên ký kết thừa nhận các giấy chứng nhận về quốc tịch, giấy chứng nhận trọng tải và các giấy chứng nhận khác của tàu do các cơ quan có thẩm quyền của Bên kia cấp hoặc thừa nhận.

2- Tàu của mỗi Bên ký kết có giấy chứng nhận hợp pháp về trọng tải sẽ không bị đo lại hoặc đăng kiểm lại tại các cảng của Bên kia; đồng thời, căn cứ vào luật lệ và quy định của mỗi Bên ký kết, trọng tải đăng ký của tàu ghi trong giấy chứng nhận sẽ được dùng làm cơ sở để tính trọng tải phí.

3- Trong trường hợp có sự chênh lệch lớn giữa trọng tải của tàu và trọng tải ghi trong giấy chứng nhận thì các nhà chức trách có thẩm quyền của mỗi Bên ký kết sẽ báo cho phía Bên kia biết.

Điều 8

1- Mỗi Bên ký kết thừa nhận giấy tờ chứng minh của thuyền viên do cơ quan có thẩm quyền của Bên kia cấp hoặc thừa nhận.

2- Thuyền viên có giấy tờ chứng minh và tên ghi trong danh sách thuyền viên đã nộp cho nhà chức trách được phép lên bờ tại cảng tàu đậu và phải tuân theo những luật lệ và quy định hiện hành của cảng nước Bên kia.

Điều 9

Mỗi Bên ký kết có quyền từ chối việc nhập cảnh của bất kỳ người nào đã vi phạm luật lệ quốc gia của Bên đó, dù họ có đủ giấy tờ chứng minh là thuyền viên như ghi trong Điều 8.

Điều 10

1- Trong trường hợp tàu của một Bên ký kết bị mắc cạn, đắm hay gặp tai nạn hoặc tổn thất khác trong phạm vi lãnh hải của nước Bên kia, cơ quan có thẩm quyền của nước đó, theo khả năng của mình, phải có những biện pháp thích hợp để hỗ trợ cứu giúp hành khách, thuyền viên, tàu và hàng hoá, như đối với tàu của chính nước mình.

2- Những hàng hoá và vật dùng được bốc dỡ hoặc cứu vớt từ tàu nói trong điểm 1 trên đây sẽ không phải trả thuế hải quan nếu :

a) Hàng hoá và vật dùng đó không sử dụng hoặc tiêu thụ trên lãnh thổ của nước Bên kia, và

b) Những hàng hoá và vật dùng đó được thông báo càng sớm càng tốt cho nhà chức trách hải quan của Bên kia nhằm mục đích để giám sát những hàng hoá và vật dùng đó.

Điều 11

1- Việc vận chuyển hàng hoá thương mại giữa hai Bên ký kết sẽ do đại diện có thẩm quyền của các Bên ký kết thoả thuận phân bổ hàng năm trên tinh thần bình đẳng, hai Bên cùng có lợi.

2- Nếu tàu của một bên ký kết như quy định ở Điều 1 không đủ để chuyên chở hết phần hàng của mình, thì tàu của Bên kia sẽ được ưu tiên hàng đầu chuyên chở hàng hoá đó.

3- Các Bên ký kết, trong phạm vi luật lệ và quy định của nước mình cho phép, phải dàn xếp nội bộ để thực hiện những điểm quy định trong điều này.

Điều 12

Giá cước vận chuyển tính cho tàu của các Bên ký kết sẽ phải do đại diện có thẩm quyền của các Bên ký kết thoả thuận.

Điều 13

Mỗi Bên ký kết sẽ cho các công ty tàu biển của Bên kia được quyền tự do chuyển các thu nhập về vận tải biển trên lãnh thổ của nước mình thành loại tiền chuyển đổi tự do hoặc bất cứ loại tiền nào khác mà các Bên ký kết sẽ thoả thuận với nhau theo các quy định về ngoại hối hiện hành trên lãnh thổ của Bên ký kết nói trên.

Việc quyết toán về vận tải biển của các công ty tàu biển của mỗi Bên ký kết sẽ được thực hiện qua Ngân hàng sau đây của hai nước: Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng Krung Thai của Thái Lan.

Điều 14

Nhằm mục đích thoả mãn các yêu cầu về phát triển vận tải biển của các Bên ký kết, hai bên chỉ định đại diện để giải quyết các vấn đề chung liên quan đến việc thực hiện Hiệp định này, như là :

- Mức độ hoạt động của các tàu biển của các Bên ký kết làm nhiệm vụ vận chuyển trong phạm vi Hiệp định này;

- Giá cước và các vấn đề khác liên quan đến hoạt động vận tải biển của các tàu của các Bên ký kết.

Các Bên ký kết đồng ý giải quyết những vấn đề nói trên theo nguyên tắc bình đẳng và hai Bên cùng có lợi.

Điều 15

Đại diện có thẩm quyền của hai Bên ký kết, trên cơ sở có đi có lại, có thể đặt Đại diện hàng hải với số địa điểm và nhân viên công tác ngang nhau hoặc chỉ định đại lý tàu biển trên lãnh thổ của Bên kia. Đại diện và đại lý đó được quan hệ với người xuất khẩu, nhập khẩu, thuê tàu, nhận hàng, giao hàng và trong

phạm vi hợp đồng mà họ đã ký với chủ tàu, được ký hợp đồng về thuê tàu hoặc xếp hàng và thực hiện hoạt động thương mại khác trong lĩnh vực vận tải biển.

Điều 16

Những sự khác biệt về giải thích và thi hành Hiệp định sẽ được thương lượng trực tiếp giữa các cơ quan có thẩm quyền của hai Bên ký kết.

Nếu không thể thu xếp với nhau để giải quyết những tranh chấp trong việc thi hành Hiệp định thì sẽ giải quyết qua đường ngoại giao.

Điều 17

Hiệp định này phải được phê chuẩn. Hiệp định này sẽ có hiệu lực kể từ ngày trao đổi văn kiện phê chuẩn và có hiệu lực trong thời hạn 5 năm, và mặc nhiên được gia hạn một thời gian không quy định cho đến khi có một Bên ký kết muốn chấm dứt Hiệp định và gửi văn bản thông báo việc này trước 6 tháng.

Theo yêu cầu của mỗi bên ký kết, hai Bên có thể thoả thuận sửa đổi Hiệp định này.

Việc tiến hành sửa đổi hoặc kết thúc Hiệp định này sẽ không ảnh hưởng đến quyền hạn và nhiệm vụ bắt nguồn từ Hiệp định này mà có trước thời gian sửa đổi hoặc kết thúc.

Để làm bằng những người có tên dưới đây được Chính phủ của mỗi Bên ủy quyền đã ký tên và đóng dấu gắn xi vào Hiệp định này.

Làm thành hai bản tại Băng cốc, ngày 22 tháng 1 năm 1979 bằng tiếng Việt Nam, tiếng Thái và tiếng Anh. Tất cả các văn bản đều có giá trị ngang nhau. Trong trường hợp có sự giải thích khác nhau thì văn bản bằng tiếng Anh sẽ được ưu thế.

THAY MAT CHINH PHU NUOC CONG HOA XA HOI CHU NGHIA VIET NAM	THAY MAT CHINH PHU VUONG QUOC THAI LAN
(Phan Trọng Tuệ)	(Upadit Pachariyangkun)
Bộ trưởng	Bộ trưởng
Bộ Giao thông vận tải	Bộ Ngoại giao

ความตกลงว่าด้วยการเดินเรือพาณิชย์ทางทะเล

ระหว่าง

รัฐบาลแห่งสาธารณรัฐสังคมนิยมเวียดนามกับรัฐบาลแห่งราชอาณาจักรไทย

รัฐบาลแห่งสาธารณรัฐสังคมนิยมเวียดนามและรัฐบาลแห่งราชอาณาจักรไทย ซึ่งต่อไปนี้จะเรียกว่า "ภาคีผู้ทำสัญญา"

ปรารถนาที่จะกระชับความสัมพันธ์ฉันมิตรระหว่างประเทศทั้งสองบนรากฐานแห่งความเสมอภาคและประโยชน์ร่วมกัน

มุ่งหมายที่จะสร้างความสัมพันธ์อันใกล้ชิดทางด้านการเดินเรือพาณิชย์ระหว่างสาธารณรัฐสังคมนิยมเวียดนามกับราชอาณาจักรไทย

ได้ตกลงกันดังต่อไปนี้

ข้อ ๑

เพื่อความมุ่งประสงค์ของความตกลงนี้ :

๑. คำว่า "เรือของภาคีผู้ทำสัญญาแต่ละฝ่าย" "เรือของภาคีผู้ทำสัญญาฝ่ายหนึ่ง" และ "เรือของภาคีผู้ทำสัญญาอีกฝ่ายหนึ่ง" หมายถึงเรือพาณิชย์ที่ชักธงของสาธารณรัฐสังคมนิยมเวียดนามหรือของราชอาณาจักรไทย รวมทั้งเรือพาณิชย์ที่ชักธงของประเทศที่สามซึ่งเช่าซื้อ หรือเช่าโดยมีกำหนดระยะเวลาโดยภาคีผู้ทำสัญญาแต่ละฝ่าย

๒. ...

๒. คำว่า "สมาชิกคณะเจ้าหน้าที่ประจำเรือ" หมายถึงบุคคลรวมทั้งนายเรือผู้ซึ่งปฏิบัติหน้าที่และให้บริการบนเรือระหว่างการเดินทาง และถือเอกสารประจำตัวตามที่ระบุไว้ในข้อที่ ๘ ของความตกลงนี้ และซึ่งมีชื่อรวมอยู่ในบัญชีเจ้าหน้าที่ประจำเรือด้วย

ข้อ ๒

เรือของภาคีผู้ทำสัญญาแต่ละฝ่าย มีสิทธิที่จะเดินเรือระหว่างท่าเรือของภาคีผู้ทำสัญญาซึ่งเปิดให้แก่การค้าระหว่างประเทศ การเดินเรือและที่จะขนส่งผู้โดยสารและสินค้าระหว่างภาคีผู้ทำสัญญา หรือระหว่างภาคีผู้ทำสัญญาแต่ละฝ่ายกับประเทศที่สาม

ข้อ ๓

เพื่อเป็นการอนุวัตบทบัญญัติแห่งความตกลงนี้ ภาคีผู้ทำสัญญาได้ตกลงกันว่าภายในขอบเขตของกฎหมาย กฎและข้อบังคับของแต่ละฝ่าย จะ

๑. ดำเนินการปรึกษาหารือร่วมกันและแลกเปลี่ยนข่าวสารเกี่ยวกับกิจกรรมทางทะเลระหว่างประเทศทั้งสอง โดยผ่านองค์การที่มีอำนาจของภาคีผู้ทำสัญญา

๒. ภาคีผู้ทำสัญญาอาจร่วมกันทำพิธีสารต่อท้ายในโอกาสที่ดีและภายใต้สภาวะที่เหมาะสม

ข้อ ๔

เรือของภาคีผู้ทำสัญญาแต่ละฝ่ายจะได้รับอุปโภคผลประติบัติไม่น้อยกว่าที่ให้แก่เรือของประเทศที่สามในเรื่องที่เกี่ยวกับการเดินเรือ การเทียบท่า สิ่งอำนายความสะดวกสำหรับการขนถ่ายสินค้าในท่าเรือของภาคีผู้ทำสัญญาอีกฝ่ายหนึ่ง

ข้อ ๕ ...

ข้อ ๕

๑. ให้เจ้าหน้าที่ประจำเรือ ผู้โดยสารและสินค้าบนเรือของภาคีผู้ทำสัญญาแต่ละฝ่ายที่จอดอยู่ในน่านน้ำ หรือท่าเรือของภาคีผู้ทำสัญญาอีกฝ่ายหนึ่งอยู่ภายใต้กฎหมาย กฎและข้อบังคับของภาคีผู้ทำสัญญาอีกฝ่ายหนึ่ง ซึ่งสอดคล้องกับกฎหมายระหว่างประเทศ

๒. เรือที่จอดอยู่ในน่านน้ำอาณาเขตหรือท่าเรือของภาคีผู้ทำสัญญาแต่ละฝ่ายจะปฏิบัติตามกฎหมาย กฎและข้อบังคับว่าด้วย อุปกรณ์ ความปลอดภัย และการบรรทุกสินค้าถึงระดับกินน้ำลึกตามที่ภาคีผู้ทำสัญญาอีกฝ่ายหนึ่งอนุญาตไว้

ข้อ ๖

ภายในขอบเขตแห่งกฎหมาย และกฎท่าเรือ ภาคีผู้ทำสัญญาจะเร่งการปฏิบัติงานเกี่ยวกับการศุลกากรและพิธีการอื่น ๆ ในท่าเรือและจะใช้มาตรการที่เหมาะสมเพื่อเร่งการดำเนินการบรรทุกและหรือการขนถ่ายสินค้า เพื่อหลีกเลี่ยงความล่าช้าอันไม่จำเป็นต่อเรือ

ข้อ ๗

๑. เอกสารต่าง ๆ ที่แสดงสัญชาติของเรือ ใบรับรองระวางเรือและเอกสารอื่น ๆ ของเรือที่ออกให้หรือรับรองโดยเจ้าหน้าที่ผู้มีอำนาจของภาคีผู้ทำสัญญาแต่ละฝ่ายจะต้องยอมรับโดยภาคีผู้ทำสัญญาอีกฝ่ายหนึ่ง

๒. เรือของภาคีผู้ทำสัญญาแต่ละฝ่ายที่ถือใบรับรองระวางเรือซึ่งออกให้โดยถูกต้องตามกฎหมาย จะไม่อยู่ภายใต้การวัด หรือตรวจเรือใหม่ในท่าเรือของภาคีผู้ทำสัญญา

อีกฝ่ายหนึ่ง และระวางเรือที่จดทะเบียนของเรือซึ่งระบุไว้ในใบรับรอง จะใช้เป็นบันทัดฐานในการคำนวณค่าระวาง ทั้งนี้ต้องเป็นไปตามกฎหมาย กฎและข้อบังคับของภาคีผู้ทำสัญญาแต่ละฝ่าย

๓. ถ้ามีความแตกต่างที่สำคัญซึ่งสามารถตรวจสอบได้ระหว่างระวางของเรือกับที่ระบุไว้ในใบรับรอง เจ้าหน้าที่ผู้มีอำนาจของภาคีผู้ทำสัญญาแต่ละฝ่ายจะแจ้งให้ภาคีผู้ทำสัญญาอีกฝ่ายหนึ่งเพื่อทราบ

ข้อ ๘

๑. เอกสารประจำตัวคณะเจ้าหน้าที่ประจำเรือซึ่งออกให้ หรือรับรองโดยเจ้าหน้าที่ผู้มีอำนาจของภาคีผู้ทำสัญญาแต่ละฝ่าย จะได้รับการยอมรับโดยภาคีผู้ทำสัญญาอีกฝ่ายหนึ่ง

๒. เจ้าหน้าที่ประจำเรือซึ่งถือเอกสารประจำตัวและมีชื่ออยู่ในรายชื่อของเจ้าหน้าที่ประจำเรือที่ได้ยื่นต่อเจ้าหน้าที่ผู้มีอำนาจแล้ว จะได้รับอนุญาตให้ขึ้นฝั่งในบริเวณท่าเรือซึ่งเรือนั้นจอดอยู่ และจะต้องปฏิบัติตามกฎหมาย กฎและข้อบังคับที่ใช้บังคับอยู่ของท่าเรือของภาคีผู้ทำสัญญาอีกฝ่ายหนึ่ง

ข้อ ๙

ภาคีผู้ทำสัญญาแต่ละฝ่ายมีสิทธิที่จะปฏิเสธให้บุคคลใด ๆ ซึ่งฝ่าฝืนกฎหมายภายในของภาคีผู้ทำสัญญาอีกฝ่ายหนึ่งเข้าประเทศ แม้ว่าบุคคลนั้นจะมีเอกสารประจำตัวพิสูจน์สถานะเจ้าหน้าที่ประจำเรือของตนตามที่ระบุไว้ในข้อ ๘

ข้อ ๑๐ ...

ข้อ ๑๐

๑. ในกรณีที่เรือของภาคีผู้ทำสัญญาแต่ละฝ่ายเกยตื้น จม หรือประสบอุบัติเหตุอื่น ๆ หรือสูญหายภายในน่านน้ำอาณาเขตของภาคีผู้ทำสัญญาอีกฝ่ายหนึ่ง เจ้าหน้าที่ผู้มีอำนาจของภาคีผู้ทำสัญญาอีกฝ่ายหนึ่ง จะดำเนินมาตรการที่เหมาะสมภายในความสามารถในการกู้ภัยและช่วยเหลือผู้โดยสาร ลูกเรือ เรือ และสินค้าเหมือนกับที่จะปฏิบัติต่อเรือของตนเอง

๒. สินค้าและสิ่งของที่ได้รับการขนถ่ายหรือกู้จากเรือตามที่ระบุไว้ในวรรค ๑ ข้างต้น จะไม่ถูกเรียกเก็บภาษีศุลกากรและภาษีใด ๆ ถ้าหากว่า :

(ก) สินค้าและสิ่งของนั้นมิได้นำมาใช้หรือบริโภคในอาณาเขตของภาคีผู้ทำสัญญาอีกฝ่ายหนึ่ง และ

(ข) มีการแจ้งเหตุนั้นโดยเร็วที่สุดที่จะเร็วได้แก่เจ้าหน้าที่ศุลกากรของภาคีผู้ทำสัญญาอีกฝ่ายหนึ่ง เพื่อจุดประสงค์ในการตรวจสอบสินค้าและสิ่งของเช่นว่านั้น

ข้อ ๑๑

๑. การขนสินค้าที่ค้าขายระหว่างภาคีผู้ทำสัญญาจะกระทำกันตามส่วนแบ่งที่ได้ร่วมกันตกลงกันแต่ละปีโดยผู้แทนผู้มีอำนาจของภาคีผู้ทำสัญญาบนมูลฐานที่เท่าเทียมกันและผลประโยชน์ร่วมกัน

๒. ในกรณีที่เรือของภาคีผู้ทำสัญญาฝ่ายหนึ่งตามที่นิยามไว้ในข้อ ๑ ไม่สามารถขนสินค้าในส่วนแบ่งที่ได้รับ เรือของภาคีผู้ทำสัญญาอีกฝ่ายหนึ่งจะได้รับขนสินค้านั้นเป็นอันดับแรก

๓. ภาคีผู้ทำสัญญาจะจัดเตรียมการภายในเพื่อดำเนินการให้เป็นไปตามบทบัญญัติของข้อนี้เท่าที่กฎหมาย และข้อบังคับของประเทศของเขาจะอนุญาต

ข้อ ๑๒

อัตราค่าระวางบรรทุกที่เรียกเก็บโดยเรือของภาคีผู้ทำสัญญาจะต้องตกลงร่วมกันโดยผู้แทนผู้มีอำนาจของภาคีผู้ทำสัญญา

ข้อ ๑๓

๑. ภาคีผู้ทำสัญญาแต่ละฝ่ายจะให้สิทธิแก่องค์การและบริษัทกิจการเดินเรือของภาคีผู้ทำสัญญาอีกฝ่ายหนึ่งในการโอนอย่างอิสระสำหรับเงินรายได้จากการขนส่งทางทะเลที่ได้รับในดินแดนของภาคีผู้ทำสัญญาฝ่ายแรกในเงินตราที่แลกเปลี่ยนได้โดยเสรีหรือเงินตราอื่น ๆ ที่จะตกลงร่วมกันโดยภาคีผู้ทำสัญญาตามข้อบังคับการแลกเปลี่ยนเงิน ซึ่งใช้บังคับอยู่ในอาณาเขตของภาคีผู้ทำสัญญาฝ่ายแรก

๒. การชำระบัญชีอันเกิดจากการขนส่งทางทะเลขององค์การและบริษัทกิจการเดินเรือของภาคีผู้ทำสัญญา ให้กระทำผ่านธนาคารของประเทศทั้งสองที่ได้เลือกไว้ดังนี้ : ธนาคารการค้าต่างประเทศของเวียดนาม และธนาคารกรุงไทยของประเทศไทย

ข้อ ๑๔

เพื่อให้เป็นไปตามข้อกำหนดของการพัฒนาการขนส่งทางทะเลของภาคีผู้ทำสัญญา ให้แต่งตั้งผู้แทนเพื่อจัดการกับเรื่องที่เกี่ยวข้องร่วมกัน ซึ่งเกิดจากการดำเนินการให้เป็นไปตามความตกลงนี้ ดังเช่น :

- ขอบเขต ...

- ขอบเขตของกิจกรรมของเรือของภาคีผู้ทำสัญญาในการขนส่งทางทะเล ซึ่งครอบคลุมโดยความตกลงนี้

- อัตราและเรื่องอื่น ๆ ที่เกี่ยวกับการขนส่งทางทะเลซึ่งดำเนินการโดยเรือของภาคีผู้ทำสัญญา

ภาคีผู้ทำสัญญาตกลงที่จะแก้ไขเรื่องต่าง ๆ ข้างต้นภายใต้หลักการแห่งความเสมอภาคและผลประโยชน์ร่วมกัน

ข้อ ๑๕

บนพื้นฐานถ้อยที่ถ้อยปฏิบัติต่อกัน ผู้แทนผู้มีอำนาจของภาคีผู้ทำสัญญาอาจจัดตั้งผู้แทนกิจการเดินเรือในจำนวนสถานที่เท่ากัน และในจำนวนบุคคลเท่ากันหรือแต่งตั้งตัวแทนกิจการเดินเรือในอาณาเขตของภาคีผู้ทำสัญญาอีกฝ่ายหนึ่ง ซึ่งผู้แทนหรือตัวแทนนั้นจะสามารถติดต่อผู้ส่งสินค้าออก ผู้นำสินค้าเข้า ผู้เช่า และผู้รับและผู้ส่งสินค้าทางเรือ และซึ่งภายในกรอบของสัญญากระทำกันระหว่างเจ้าของเรือและผู้แทนหรือตัวแทนเช่นว่านั้น จะสามารถทำสัญญาเกี่ยวกับการเช่าเรือ หรือการส่งสินค้า และการดำเนินการเกี่ยวกับกิจกรรมพาณิชย์ในด้านการขนส่งทางทะเลด้วย

ข้อ ๑๖

ความแตกต่างในการตีความและการดำเนินการให้เป็นไปตามความตกลงนี้จะเป็นเรื่องของการเจรจากันโดยตรงระหว่างเจ้าหน้าที่ผู้มีอำนาจของภาคีผู้ทำสัญญา

หากไม่อาจจัดเตรียมการเพื่อระงับข้อแตกต่างกันเกี่ยวกับการดำเนินการให้เป็นไปตามความตกลง จะระงับกรณีกันโดยทางการทูต

ข้อ ๑๗ ...

ข้อ ๑๗

ความตกลงนี้จะต้องได้รับการสัตยาบัน ความตกลงนี้จะมีผลใช้บังคับในวันที่แลกเปลี่ยนสัตยาบันสารกัน และจะมีผลใช้บังคับเป็นเวลา ๕ ปี และจะขยายต่อไปโดยอัตโนมัติโดยไม่จำกัดระยะเวลา จนกว่าภาคีผู้ทำสัญญาฝ่ายหนึ่งฝ่ายใดจะบอกเลิกโดยการแจ้งเป็นลายลักษณ์อักษรล่วงหน้าเป็นเวลา ๖ เดือน

โดยการร้องขอของภาคีผู้ทำสัญญาฝ่ายหนึ่งฝ่ายใด ความตกลงนี้อาจได้รับการทบทวนโดยความยินยอมของทั้งสองฝ่าย

การทบทวนหรือการบอกเลิกความตกลงนี้ จะไม่กระทบกระเทือนต่อสิทธิหรือพันธะใด ๆ ที่มีอยู่หรือได้เกิดขึ้นภายใต้ความตกลงนี้ก่อนวันที่การทบทวนหรือการบอกเลิกมีผลบังคับใช้

เพื่อเป็นพยานแก่การนี้ ผู้ลงนามข้างท้ายนี้ซึ่งได้รับมอบอำนาจโดยถูกต้องจากรัฐบาลแต่ละฝ่าย ได้ลงนามความตกลงนี้และได้ประทับตราไว้

ทำคู่กันเป็นสองฉบับ ณ กรุงเทพ ฯ เมื่อวันที่ ๒๒ เดือนมกราคม พุทธศักราช ๒๕๒๒ เป็นภาษาเวียดนาม ภาษาไทย และภาษาอังกฤษ ตัวบททั้งหมดใช้เป็นหลักฐานได้เท่าเทียมกัน ในกรณีที่มีความแตกต่างกันในการตีความ ให้ถือตัวบทภาษาอังกฤษเป็นสำคัญ

สำหรับรัฐบาลแห่งสาธารณรัฐสังคมนิยมเวียดนาม

(ฟาน ฮรอง เตอ)
รัฐมนตรีว่าการกระทรวงคมนาคมและขนส่ง

สำหรับรัฐบาลแห่งราชอาณาจักรไทย

(อุปดิศร์ ปาจรียางกูร)
รัฐมนตรีว่าการกระทรวงการต่างประเทศ

COMMERCIAL MARITIME NAVIGATION AGREEMENT
Between
the Government of the Socialist Republic of Vietnam
and
the Government of the Kingdom of Thailand

The Government of the Socialist Republic of Vietnam and the Government of the Kingdom of Thailand, hereinafter referred to as "The Contracting Parties",

Being desirous of strengthening the friendly relations between the two countries on the basis of equality and mutual benefit,

Aiming at establishing close relations in the field of commercial maritime navigation between the Socialist Republic of Vietnam and the Kingdom of Thailand,

Have agreed as follows:

Article 1

For the purpose of this Agreement,

1. The terms "vessel of either Contracting Party", "vessel of one Contracting Party" and "vessel of the other Contracting Party" mean a merchant vessel flying the flag of the Socialist Republic of Vietnam or of the Kingdom of Thailand including a merchant vessel flying the flag of a third country hire-purchased or time-chartered by either Contracting Party.

2. The term "member of the crew" means a person, including the master, who performs duties and services on board on a voyage and holds an identity document referred to in Article 8 of this Agreement and whose name is included in the crew list of the vessel.

Article 2

Vessels of either Contracting Party are entitled to sail between ports of the Contracting Parties that are open to international trade, navigation and to carry passengers and cargoes between the Contracting Parties or between either Contracting Party and third countries.

Article 3

For the implementation of the provisions of this Agreement, within the limits of their respective laws, rules and regulations, the Contracting Parties have agreed:

1. To carry on mutual consultations and exchange of information in connection with maritime activities between the two countries through their competent organizations.

2. Supplementary protocols may be concluded between the Contracting Parties at convenient time and under favourable conditions.

Article 4

Vessels of either Contracting Party shall enjoy treatment not less favourable than that granted to vessels of any third country with regard to navigation, berthing, loading and unloading facilities at the ports of the other Contracting Party.

Article 5

1. Members of the crew, passengers, and cargo on board the vessel of either Contracting Party anchored in the territorial waters or at the ports of the other Contracting Party shall be governed by the laws, rules and regulations of that other Contracting Party which are in conformity with International Laws.

2. The vessel anchored in the territorial waters or at the ports of either Contracting Party shall observe the laws, rules and regulations on equipment, safety and loading to the draught allowed by that other Contracting Party.

Article 6

The Contracting Parties shall, within the limits of their respective laws and port regulations, expedite the performance of customs clearance and other formalities in ports and take appropriate measures to expedite loading and or discharging operations avoiding unnecessary delays to vessel.

Article 7

1. The documents certifying the nationality of vessels, certificates of tonnage and other ships documents issued or recognized by competent authorities of either Contracting Party shall be recognized by the other Contracting Party.

2. The vessels of either Contracting Party holding legally issued certificates of tonnage shall not be subject to re-measurement or resurveying in the ports of the other Contracting Party and, in accordance with laws, rules and regulations of either Contracting Party, the Registered Tonnage of the vessel noted in the certificate shall be taken as the basis for calculation of tonnage dues.

3. If important differences can be ascertained between the tonnage of the vessel and that specified in the certificate, competent authorities of either Contracting Party will notify the other Contracting Party for information.

Article 8

1. Identity documents of members of the crew issued or recognized by competent authorities of either Contracting Party shall be recognized by the other Contracting Party.

2. Members of the crew holding identity documents and whose names are included on the crew list handed to the authorities, shall be allowed to land in the locality of port at which the ship is anchored and shall abide by the existing laws, rules and regulations of the port of the other Contracting Party.

Article 9

Either Contracting Party has the right to refuse entry of persons who have violated the national laws of such Contracting Party, even though they have identity documents referred to in Article 8 testifying their status as members of the crew.

Article 10

1. In case a vessel of either Contracting Party becomes stranded, sinks or meets other accidents or losses within the territorial waters of the other Contracting Party, the competent authorities of that other Contracting Party shall, within their capabilities, effect such reasonable measures of rescue and assistance for the passengers, crew, vessel and cargo as they would for their own vessels.

2. The cargo and articles unloaded or saved from the vessel specified in paragraph 1 above shall not be liable to any

customs duties and taxes, provided that:

a) they are not delivered for use or consumption in the territory of the other Contracting Party and

b) a notification thereof is given, as promptly as possible, to customs authorities of such other Contracting Party for the purpose of supervision of such cargo and articles.

Article 11

1. Movement of cargoes traded between the Contracting Parties will be carried in accordance with the shares mutually and annually agreed upon by the competent representatives of the Contracting Parties on the basis of equality and mutual benefit.

2. Should the vessels of one Contracting Party, as defined in Article 1, be unable to lift their share of cargo, the vessels of the other Contracting Party would then be given the first priority to carry the cargo.

3. The Contracting Parties shall, to the extent permitted under the laws and regulations of their respective countries, make internal arrangements to implement the provisions of this Article.

Article 12

Freight rates to be charged by the vessels of the Contracting Parties shall be mutually agreed upon by competent representatives of the Contracting Parties.

Article 13

1. Either Contracting Party shall grant to the shipping organizations and companies of the other Contracting Party the

right to transfer freely any income derived from maritime transport in the territory of the former Contracting Party in freely convertible currencies or any other currencies to be mutually agreed upon by the Contracting Parties in accordance with the exchange regulations in force in the territory of the former Contracting Party.

2. The settlement of accounts derived from maritime transport of the shipping organizations and companies of the Contracting Parties will be effected through the banks of the two countries nominated as follows: the Bank for Foreign Trade of Vietnam and The Krung Thai Bank of Thailand.

Article 14

In order to meet the requirements of the development of maritime transport of the Contracting Parties, the representatives shall be appointed to deal with matters of mutual concern arising from the implementation of this Agreement, such as:

- the extent of the activities of vessels of the Contracting Parties engaged in maritime transport, covered by this Agreement;

- the tariffs and other matters relating to maritime transport operated by the vessels of the Contracting Parties.

The Contracting Parties agree to settle the above matters under the principle of equality and mutual benefit.

Article 15

The competent representatives of the Contracting Parties may, on a reciprocal basis, establish their shipping representatives

in an equal number of places and with an equal number of personnel, or appoint their shipping agents in the territory of the other Contracting Party, which representatives or agents shall be able to contact exporters, importers, charterers, and consignees and shippers of cargo, and which shall, within the scope of the contract made between the owners of the vessels and such representatives or agents, be able to enter into contracts of affreightments or shipment and also carry out other commercial activities in the field of maritime transport.

Article 16

Differences regarding the interpretation and implementation of this Agreement shall be the subject of direct negotiation between competent authorities of the Contracting Parties.

If no arrangement is possible to settle differences regarding the implementation of the Agreement, the cases will be settled through diplomatic channels.

Article 17

This Agreement shall be subject to ratification. The Agreement shall come into force on the date of the exchange of instruments of ratification and shall remain in force for a period of five years and shall be automatically extended for an indefinite period until terminated by either Contracting Party giving six months prior notice in writing.

At the request of either Contracting Party, this Agreement may be revised by mutual consent.

Any revision or termination of the present Agreement shall be effected without prejudice to any rights or obligations

accruing or incurred under this Agreement prior to the effective date of such revision or termination.

IN WITNESS WHEREOF, the undersigned, duly authorized by their respective Governments, have signed this Agreement and have affixed thereto their seals.

Done in duplicate at Bangkok, this 22nd day of January 1979 in Vietnamese, Thai and English languages, all texts are equally authentic. In case of differences in interpretation, the English text shall prevail.

FOR THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM:

(Phan Trong Tue)

Minister of Communications and Transport

FOR THE GOVERNMENT OF THE KINGDOM OF THAILAND:

(Upadit Pachariyangkun)

Minister of Foreign Affairs